

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 1 từ 6/9 đến 10/9)

KHỐI 7

CÔNG TRƯỜNG MỞ RA

(Lý Lan)

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Lý Lan

2. Tác phẩm

- Trích từ báo “Yêu trẻ” năm 2000
- Thể loại: Văn bản nhật dụng

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tâm trạng của người mẹ và người con trước ngày khai trường đầu tiên của con

a. Tâm trạng của người mẹ

- Việc làm của mẹ:
 - Ngắm con ngủ
 - Buông mùng, đắp mền cho con, ém góc cẩn thận cho con
 - Xem lại mọi thứ chuẩn bị cho con
- Tâm trạng của mẹ:
 - Mẹ không tập trung được vào việc gì cả

- Mẹ tự bảo mình cũng nên đi ngủ sớm
- Thao thức, trằn trọc, không ngủ được vì nghĩ về ngày đến trường của con và nhớ về tuổi thơ chính mình

→ *Bồi hồi, lo lắng cho ngày đầu tiên tới trường của con*

→ *Một người mẹ vô cùng yêu thương con, có tâm hồn nhạy cảm và suy nghĩ sâu sắc.*

b. Tâm trạng của đứa con

- Đêm nay con cũng có niềm háo hức
- Giấc ngủ đến dễ dàng
- Gương mặt thanh thoát của con tựa nghiêng trên gối mềm

→ *Em bé hồn nhiên vô tư, háo hức trong ngày tựu trường như bao em bé khác.*

2. Cảm nghĩ của người mẹ về vai trò của giáo dục

a. Người mẹ liên tưởng đến nền giáo dục tiên tiến như ở Nhật Bản

- Ngày khai trường là ngày lễ của toàn xã hội, bố mẹ đưa con đến trường, quan chức đến dự
- Đường phố trang trí thật đẹp...

→ Thể hiện ước mơ, khát vọng về một nền giáo dục tốt đẹp cho thế hệ trẻ của chúng ta.

b. Vai trò giáo dục của nhà trường

- Nhà trường có vai trò giáo dục quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người.
- Nhà trường mang lại tri thức, hiểu biết cho mỗi con người.
- Bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức tốt đẹp, mở ra ước mơ, khát vọng, tương lai cho mỗi con người.

→ Thể hiện niềm tin tưởng vào nền giáo dục của nước nhà.

III. TỔNG KẾT (Ghi nhớ/ SGK/ 9)

TỪ GHÉP

I. CÁC LOẠI TỪ GHÉP

1. Từ ghép chính phụ

Ví dụ 1/ SGK/ 13

- Từ ghép: bà ngoại, thơm phức

	Tiếng chính	Tiếng phụ
Bà ngoại	Bà	ngoại
Thơm phức	Thơm	phức

Nhận xét:

- Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau
- Từ ghép chính phụ có tiếng chính, tiếng phụ

2. Từ ghép đẳng lập

Ví dụ 2/ SGK/ 14

- Từ ghép: quần áo, trầm bổng

Nhận xét:

- Các tiếng này ngang hàng nhau, không phân ra tiếng chính, tiếng phụ:

quần áo – áo quần
trầm bổng - bổng trầm

- Từ ghép đẳng lập

⇒ Có hai loại từ ghép (Ghi nhớ 1/ SGK/14)

II. NGHĨA CỦA TỪ GHÉP

1. So sánh nghĩa của từ

bà ngoại – bà
thơm phức – thơm

Nhận xét:

- Nghĩa của từ bà ngoại và thom phức hợp nghĩa hơn của từ bà, thom.

→ Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa.

2. So sánh nghĩa của từ

quần áo – quần, áo
trâm bông – trâm, bông

Nhận xét:

- Quần áo, trâm bông → Nghĩa rộng hơn, khái quát hơn.
- Quần, áo, trâm, bông → Nghĩa hẹp hơn, chỉ cụ thể hơn.

→ Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa.

⇒ Ghi nhớ 2/ SGK/ 14

III. LUYỆN TẬP

- Làm bài tập SGK trang 15, 16
- Em hãy viết đoạn văn ngắn 6-8 câu trình bày suy nghĩ của em về buổi tựu trường đầu tiên. Trong đó có sử dụng ít nhất 01 từ ghép chính phụ, 01 từ ghép đẳng lập. Gạch chân những từ ngữ đó

MẸ TÔI

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Thấy được cách giáo dục vừ nghiêm khắc vừa tế nhị, có lí và có tình của người cha khi con mắc lỗi</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc văn bản <i>Mẹ tôi</i> của Ét-môn-đơ đơ A-mi-xi, sách giáo khoa Ngữ văn 7 tập 1, trang 10, 11, 12 và trả lời các câu hỏi sau:<ol style="list-style-type: none">1. Tại sao người bố lại viết thư cho En-ri-cô?2. Qua những lời lẽ trong bức thư “... như một nhát dao đâm vào tim bố vậy!”; “... bố không thể nén được cơn tức giận đối với con”; “Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó.”; “... thà rằng bố không có con, còn hơn là thấy con bội bạc với mẹ”; “...bố sẽ không thể vui lòng đáp lại cái hôn của con được.” Em hãy cho biết thái độ của người bố đối với En-ri-cô qua bức thư là thái độ như thế nào?3. Vì sao người bố lại nhắc đến mẹ của En-ri-cô?4. Em có suy nghĩ gì về cách giáo dục con của người cha?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	<ul style="list-style-type: none">- Theo em vì sao người bố không nói trực tiếp với En-ri-cô mà lại chọn viết thư?- Hãy kể lại một sự việc em lỡ gây ra khiến bố mẹ phiền lòng và hãy cho biết em đã giải quyết như thế nào để ba mẹ vui lòng.

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục 1:	

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu rõ về liên kết văn bản, một trong những tính chất quan trọng nhất</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc ví dụ 1a/ SGK/ 17, “Trước mặt cô giáo ... hôn bố” và thực hiện các yêu cầu sau:<ul style="list-style-type: none">+ Theo em, nếu bố En-ri-cô chỉ viết mấy câu sau, thì En-ri-cô có thể hiện điều bố muốn nói chưa?+ Em hãy cho biết nội dung đoạn văn thiếu ý gì mà trở nên khó hiểu, sửa lại đoạn văn để En-ri-cô hiểu được ý của bố?+ Qua đó, em hãy trả lời câu hỏi: Muốn cho đoạn văn có thể hiểu được thì nó phải có tính chất gì?- Em hãy đọc ví dụ 2b/ SGK/ 18, “Một ngày kia ... mút kẹo” và thực hiện yêu cầu sau:<ul style="list-style-type: none">+ Em hãy chỉ ra sự thiếu liên kết của các câu trong ví dụ trên và hãy sửa lại để thành một đoạn văn có ý nghĩa+ Qua đó, em hãy chỉ ra những phương tiện để liên kết các câu trong văn bản
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh</i>	Thực hiện BT3/ SGK/ 19 Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn dưới đây để các câu liên kết chặt chẽ với nhau.

<p>giá quá trình tự học</p>	<p><i>Bà ơi! Cháu thường về đây, ra vườn, đứng dưới gốc na, lúc ối mong tìm lại hình bóng của... và nhớ lại ngày nào... trồng cây, ... chạy lon ton bên bà. ... bảo khi nào cây có quả... sẽ dành quả to nhất, ngon nhất cho..., những cháu lại bảo quả to nhất, ngon nhất phải để phần bà. ... bà ôm cháu vào lòng, hôn cháu một cái thật kêu.</i></p> <p style="text-align: right;"><i>(Theo Nguyễn Thu Thủy Tiên, Những bức thư đoạt giải UPU)</i></p>
---	---

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục 1:	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 2 từ 13/9 đến 17/9)

KHỐI 7

CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ (Khánh Hoài)

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Khánh Hoài

2. Tác phẩm

- Xuất xứ: Tuyển tập thơ văn được giải thưởng trong cuộc thi viết về quyền trẻ em, năm 1992
- Kiểu văn bản: Văn bản nhật dụng

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Cảnh Thành và Thủy chia đồ chơi

- Tâm trạng của Thành và Thủy khi biết hai anh em sắp phải xa nhau:
 - + Thủy: bất giác run lên bần bật, kinh hoàng và tuyệt vọng, khóc cả đêm, mắt hờn, loạng choạng, không cho chia rẽ hai con búp bê, buồn thăm thẳm.

+ Thành: cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suối, ước đằm cả gối và hai cánh tay áo, lay trời đây chỉ là một giấc mơ.

- Hai anh em nhớ lại những kỷ niệm đã có cùng nhau:

+ Thuỷ mang kim ra tận sân vận động vá áo cho anh.

+ Thành giúp em học, chiều nào cũng đón em về.

- Khi chia đồ chơi, tình cảm yêu thương và sự gắn bó của hai anh em càng thể hiện rõ:

+ Khi chia đồ chơi, Thành đã nhường hết cho em.

+ Thuỷ thương anh, không cho ai gác đệm cho anh ngủ nên nhường lại cho anh con Vệ Sĩ.

→ Thành và Thuỷ rất mực gần gũi, quan tâm, yêu thương và sẵn sàng chia sẻ cùng nhau.

2. Cảnh Thuỷ chia tay lớp học

- Khóc thút thít vì phải chia xa nơi này mãi mãi và có thể sẽ không còn được đi học nữa.

- Cô giáo tái mặt, nước mắt giàn giụa.

- Bọn trẻ khóc mỗi lúc một to hơn.

→ Mọi người đều ngạc nhiên, thương xót và đồng cảm với nỗi bất hạnh của Thuỷ.

- Bức tranh cảnh vật vẫn vui tươi như mọi ngày: mọi người vẫn đi lại bình thường, nắng vàng ươm trùm lên cảnh vật.

3. Cảnh Thành và Thuỷ chia tay

- Tâm trạng và hành động của Thuỷ:

- + Như người mất hồn, mặt tái xanh như tàu lá.
- + Lấy con Vệ Sĩ đặt cạnh đầu giường anh để nó gác đêm cho anh ngủ.
- + Nhấn nhủ anh: lúc nào áo rách, tìm về chỗ em để em vá.
- + Cuối cùng Thủy đặt con Em Nhỏ ở lại và dặn anh không bao giờ được để chúng nó ngồi xa nhau.

- Tâm trạng và hành động của Thành:

- + Mếu máo, chân như chôn xuống đất.
- + Hứa với Thủy sẽ để con Em Nhỏ và con Vệ Sĩ ở cạnh nhau.

→ *Khung cảnh chia tay đau thương, buồn bã, ngậm ngùi của hai anh em.*

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ (SGK/ 27)

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu được tác dụng của việc xây dựng bố cục và tầm quan trọng của bố cục trong một văn bản.</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc ví dụ 2/ SGK/ 29 và trả lời các câu hỏi dưới đây: + Đọc câu chuyện ở ví dụ 2, ta thấy nội dung được sắp xếp như thế nào so với văn bản kể trong sách Ngữ văn 6? + Vậy sự sắp xếp như thế gây khó khăn gì cho người đọc? + Quan sát ví dụ 2, cho biết nội dung của đoạn văn ấy có tương đối thống nhất không? + Như vậy, nội dung ở ví dụ 2 được xem là tương đối thống nhất, thế nhưng cách kể chuyện lại bất hợp lí. Vậy bất hợp lí chỗ nào? + Ngoài việc nội dung các phần, các đoạn trong văn bản phải thống nhất chặt chẽ thì cần phải có thêm yêu cầu gì? + Hãy nhắc lại nhiệm vụ của 3 phần: mở bài, thân bài và kết bài trong văn miêu tả và tự sự?
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra,</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện bài tập 2/ SGK/ 30 - Hãy ghi lại bố cục của truyện “<i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i>”. Bố cục ấy, theo em, đã rành mạch và hợp lí

<i>đánh giá quá trình tự học</i>	chưa? Có thể kể lại câu chuyện ấy theo một bố cục khác được không?
----------------------------------	--

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục 1:	

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu được thế nào là mạch lạc trong văn bản và sự cần thiết của mạch lạc trong văn bản</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc SGK/ 31,32,33 + Em hiểu thế nào là mạch lạc? + Đọc ví dụ 2a/ SGK/ 31 và trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> • Hãy cho biết toàn bộ sự việc trong văn bản xoay quanh sự việc chính nào? • Sự việc ấy có xuyên suốt trong văn bản không? + Đọc ví dụ 2c/ SGK/ 32 và trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> • Các đoạn được nối với nhau theo mối liên hệ nào? • Như vậy, điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc là gì?
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>Thực hiện bài tập 2/ SGK/34</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục	

VIẾT NGẮN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1:</p> <p><i>Đọc hướng dẫn và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Về nội dung:<ul style="list-style-type: none">+ Nắm kiến thức chính về thể loại văn miêu tả.+ Viết được bài văn miêu tả đúng yêu cầu của đề.- Về hình thức:<ul style="list-style-type: none">+ Sử dụng đúng từ ngữ.+ Hình thành câu đúng kết cấu (chủ ngữ, vị ngữ,...).+ Biết bố cục trình bày một bài văn ngắn. <p><u>Hoạt động:</u></p> <p style="text-align: center;">Đề bài: “<i>Hãy miêu tả chân dung một người bạn của em</i>”</p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <p>Mở bài: Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu thông tin về người bạn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên người bạn.- Lí do quen biết.- Ấn tượng ban đầu về người bạn đó. <p>Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none">- Miêu tả ngoại hình:

	<ul style="list-style-type: none"> + Dáng người + Khuôn mặt (các bộ phận trên khuôn mặt) + Mái tóc + Trang phục + ... - Phẩm chất, tính cách của bạn. - Một kỷ niệm đáng nhớ nhất của em với bạn. - Sự gắn bó giữa em và người bạn đó (Em và bạn hay làm chung những việc gì? Mục tiêu chung để cùng nhau tiến bộ là gì?) <p>Kết bài: Kết lại vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nghĩ của em về người bạn thân đó. - Em sẽ làm gì để tình bạn mãi bền chặt.
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>Hãy viết bài văn ngắn miêu tả chân dung một người bạn của em dựa theo dàn ý trên.</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục ...	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 3 từ 20/9 đến 24/9)

KHỐI 7

NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

(Bài 1,4)

NHỮNG CÂU HÁT VỀ

TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC,

CON NGƯỜI

(Bài 1,4)

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

- Ca dao, dân ca là những khái niệm tương đương, chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.
 - Ca dao: là lời thơ của dân ca
 - Dân ca: những sáng tác kết hợp lời và nhạc, tức là những câu hát dân gian trong diễn xướng

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

A. Những câu hát về tình cảm gia đình

1. Bài ca dao số 1

“Công cha như núi ngất trời,

...

Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi”

- Hình thức: lời mẹ ru con, nói với con
- Nghệ thuật:
 - Công cha – núi ngất trời
 - Nghĩa mẹ – nước ngoài biển Đông

→ So sánh với cái trầu tượng

→ Tình cảm to lớn, không gì đong đếm được mà cha mẹ dành cho con

- Cù lao chín chữ: cụ thể hoá về công cha nghĩa mẹ và tình cảm biết ơn của con cái

→ Âm điệu của lời ru làm tăng thêm sự gần gũi, thiêng liêng.

→ Ca ngợi công lao to lớn của cha mẹ và nhắc nhở kẻ làm con phải có bổn phận chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ.

- Nội dung: Bài ca đã khẳng định công lao sinh thành dưỡng dục to lớn của cha mẹ đối với con cái và nhắc nhở một phần trách nhiệm của con cái là báo đền chữ hiếu đối với cha mẹ.

2. Bài ca dao số 4

“Anh em nào phải người xa,

...

Anh em hoà thuận, hai thân vui vầy”

- Hình thức: là lời của ông bà, cô bác nói với cháu; cha mẹ dặn dò con cái; anh em ruột thịt tâm sự với nhau → Tiếng hát về tình cảm anh em thân thương, ruột thịt
- Nghệ thuật:
 - Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân → Điệp ngữ “cùng”

• Như thế tay chân → So sánh gần gũi
→ Nhấn nhủ anh em phải biết thương yêu nhau, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, nương tựa vào nhau và phải luôn hoà thuận để cha mẹ vui lòng.

- Nội dung: Bài ca dao là lời khuyên nhủ anh em phải hoà thuận, trên kính dưới nhường, nương tựa, giúp đỡ nhau để cha mẹ vui lòng. Đó cũng là cách báo đền chữ hiếu thiết thực, cụ thể nhất đối với cha mẹ.

⇒ Ghi nhớ (SGK/36)

B. Những câu hát về tình yêu quê hương đất nước, con người

1. Bài ca dao số 1

“Ở đâu năm cửa nàng ơi

...

Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây”

- Hình thức: lời đối đáp – phổ biến trong ca dao, dân ca
 - Sáu câu đầu: lời người hỏi (chàng trai)
 - Sáu câu sau: lời người đáp (cô gái)
- Nghệ thuật: liệt kê các địa danh: năm cửa Ô, Sông Lục Đầu, Sông Thương, Núi Tản Viên,... những địa danh nổi tiếng về tự nhiên, lịch sử văn hoá ở Bắc Bộ.
- Nội dung: Bài ca dao mượn hình thức hát đối – đáp để thể hiện niềm tự hào, tình yêu đối với quê hương đất, nước giàu đẹp. Đồng thời, bộc lộ tình yêu và niềm tự hào đối với quê hương của trai gái làng quê Việt.

2. Bài ca dao số 4

“Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát

...

Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”

- Nghệ thuật:

- Hai câu đầu: Cấu trúc đặc biệt: 12 tiếng/dòng, nhịp 4/4/4, sử dụng điệp ngữ, đảo ngữ và phép đối xứng. Tạo nên không gian rộng lớn, mênh mông, bạt ngàn.
 - Hai câu sau: Sử dụng phép so sánh gợi lên sự trẻ trung, căng tràn sức sống của con người vùng thôn quê.
- Nội dung: Bài ca dao ca ngợi vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên rộng lớn, trù phú cùng vẻ đẹp và sức sống của người lao động.
- ⇒ Ghi nhớ/SGK/40

TỪ LÁY

I. CÁC LOẠI TỪ LÁY

1. Ví dụ

Ví dụ 1/SGK/41-42

- **Đăm đăm:** các tiếng lặp lại giống nhau hoàn toàn → Từ láy toàn bộ
- **Mếu mếu:** các tiếng lặp lại giống nhau phần âm đầu → Từ láy bộ phận
- **Liêu xiêu:** các tiếng lặp lại giống nhau phần vần → Từ láy bộ phận

Nhận xét: Có 2 loại từ láy: - Láy toàn bộ

- Láy bộ phận

+ Phần âm đầu

+ Phần vần

Ví dụ 3/SGK /41-42

Bật bật, thẳm thẳm

- Không có sự hài hoà về âm thanh
- Biên đổi thanh điệu và phụ âm cuối

→ Trong từ láy toàn bộ, có tiếng biến đổi thanh điệu, phụ âm cuối

2. Ghi nhớ: (SGK/42)

II. NGHĨA CỦA TỪ LÁY

1. Ví dụ

Ví dụ 1/SGK/42

Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu

→ Mô phỏng âm thanh

Ví dụ 2/SGK/42

Lí nhí, li ti, ti hí

- Âm thanh: lấy lại nguyên âm “l”

- Nghĩa: biểu thị những sự vật có tính chất nhỏ bé, nhỏ nhẹ về âm thanh

Nhấp nhô, phập phồng, bập bênh

- Âm thanh: láy lại phụ âm đầu
- Nghĩa: biểu thị trạng thái vận động lên xuống liên tiếp

→ Nghĩa từ láy được tạo nên nhờ vào đặc điểm âm thanh và sự hòa âm giữa các tiếng

Ví dụ 3/SGK/42

- **Mềm mại:** chỉ sự vật biến dạng dưới tác động nào đó, cảm giác dễ chịu hơn, sắc thái biểu cảm hơn “mềm”
- **Đỏ đỏ:** màu đỏ như son, mang sắc thái ít đỏ hơn, nhạt hơn

→ Nghĩa của từ láy có những sắc thái riêng so với tiếng gốc, sắc thái biểu cảm, sắc thái nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ

2. Ghi nhớ: (SGK/42)

III. LUYỆN TẬP

Hoàn thành bài tập 1,2,3,4,5,6 trong SGK/trang 43.

QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN

BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: giúp HS nắm được các bước để tạo lập một văn bản hoàn chỉnh trong giao tiếp và trong tập làm văn - Về kỹ năng: giúp HS viết được bài văn có bố cục, liên kết, mạch lạc - Về thái độ: không ngừng rèn luyện các kỹ năng tạo lập văn bản đầy đủ các bước <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tìm hiểu các bước tạo lập văn bản <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy xem SGK/45 và trả lời các câu hỏi: <ol style="list-style-type: none"> 1. Theo em khi nào thì người ta có nhu cầu viết, tạo ra một văn bản? 2. Để tạo lập một văn bản, đầu tiên em cần phải làm gì? 3. Sau khi đã xác định được những vấn đề <ul style="list-style-type: none"> + Viết cho ai? → Đối tượng; + Viết làm gì? → Mục đích; + Viết cái gì? → Nội dung; + Viết thế nào? → Hình thức

	<p>Em cần phải làm gì tiếp theo?</p> <p>4. Khi đã có ý tưởng và cách sắp xếp, em sẽ làm gì tiếp theo?</p> <p>5. Khi viết thành câu văn, em phải chú ý những điều gì?</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bài tập 1 (Luyện tập/SGK/46) - Thực hành bài viết số 1 <p>Đề bài: Miêu tả chân dung một người bạn mà em nhớ nhất trong thời gian qua</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: Giới thiệu đ người bạn em sẽ miêu tả, cảm xúc chung về người bạn ấy - Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> + Ngoại hình + Tính cách + Thói quen + Kỷ niệm giữa em và bạn khiến em nhớ nhất + ... - Kết bài: Cảm xúc, suy nghĩ về người bạn

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục:	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 4 từ 27/9 đến 1/10)

KHỐI 7

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

(Bài 2,3)

NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIÊM

(Bài 1,2)

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

- Ca dao, dân ca là những khái niệm tương đương, chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.
 - Ca dao: là lời thơ của dân ca
 - Dân ca: những sáng tác kết hợp lời và nhạc, tức là những câu hát dân gian trong diễn xướng

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

A. Những câu hát than thân

1. Bài ca dao số 2

“Thương thay thân phận con tằm

...

Dầu kêu ra máu có người nào nghe”

- Nghệ thuật:
 - Điệp ngữ “thương thay”
 - Ẩn dụ, so sánh: hình ảnh con tầm, lũ kiến chim hạc, con cuốc → Để chỉ người dân lao động nghèo, tầng lớp thấp cổ bé họng trong xã hội phong kiến.
- Nội dung: Thể hiện sự đồng cảm của tác giả (dân gian) với cuộc đời đau khổ, đắng cay của người lao động nghèo. Đồng thời cũng lên án, tố cáo xã hội phong kiến bất công.

2. Bài ca dao số 3

*“Thân em như trái bần trôi,
Gió dập sóng dồi, biết tấp vào đâu”*

- Nghệ thuật:
 - Hình ảnh so sánh: “Thân em” (người phụ nữ) như “trái bần trôi”
 - Trái bần trôi → tượng trưng cho sự nghèo khó, bần cùng, lênh đênh, trôi nổi
- Nội dung: Lời của người con gái than thở về thân phận mình. Thể hiện sự cảm thương sâu sắc về thân phận của phụ nữ trong xã hội phong kiến. Đồng thời cũng lên án tố cáo những bất công của xã hội đối với phụ nữ.

⇒ Ghi nhớ/SGK/49

B. Những câu hát châm biếm

1. Bài ca dao số 1

“Cái cò lặn lội bờ ao

...

Đêm thì ước những đêm thừa trống canh”

- Hình thức: mượn lời ước hỏi, mai mối
- Nghệ thuật:

- Ẩn dụ: “cái cò” → hình ảnh quen thuộc của ca dao
 - Ẩn dụ “cô yếm đào” → chỉ người con gái xinh đẹp, trong trắng
 - Điệp từ: “hay” (4 lần) → nhấn mạnh tính nghiện rượu, chè, ham ngủ, thích ăn chơi hưởng thụ
 - Hình ảnh đối lập: cô gái >< chú tôi → Sự ngược đời → Tiếng cười bật ra từ đó
- Nội dung: Phê phán, đả kích, châm biếm những kẻ lười biếng mà thích hưởng thụ trong xã hội.

2. Bài ca dao số 2

“Số cô chẳng giàu thì nghèo,

...

Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai”

- Hình thức: Nhại lại lời của thầy bói với cách nói nước nước đôi, nói điều hiển nhiên → Bản chất lừa bịp
 - Nghệ thuật:
 - Điệp từ: “số cô”, “có”, “chẳng...thì”
 - Phóng đại sự việc
 - Nội dung: Đả kích phê phán, châm biếm nghề bói toán, lừa bịp, lợi dụng lòng tin của người khác. Đồng thời phê phán sự mê tín mù quáng của con người.
- ⇒ Ghi nhớ/SGK/53

ĐẠI TỪ

I. THẾ NÀO LÀ ĐẠI TỪ?

Ví dụ (SGK/54)

- a. Nó → trỏ em gái tôi (CN)
- b. nó → trỏ con gà trống (PN)
- c. thế → trỏ sự việc phải chia đồ chơi (PN)
- d. Ai → dùng để hỏi (CN)

→ Các từ in đậm trên gọi là đại từ. Dựa vào ngữ cảnh câu văn trước đó để hiểu nghĩa các từ “nó”, “thế”, “ai”

- ⇒ **Đại từ** là những từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất,... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.
- ⇒ **Đại từ** có thể đảm nhiệm các **vai trò ngữ pháp** như chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay phụ ngữ của danh từ, động từ, tính từ...

II. CÁC LOẠI ĐẠI TỪ

1. Đại từ để trỏ

- a. Đại từ “tôi”, “tao”, “tớ”, ...: Trỏ người, sự vật.
 - b. Đại từ “bấy”, “bấy nhiêu”: Trỏ số lượng
 - c. Đại từ “vậy”, “thế”: Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc
- ⇒ Ghi nhớ 2 (SGK/56)

2. Đại từ để hỏi

- a. Đại từ “ai”, “gì”, ...: Hỏi về người, sự vật
 - b. Đại từ “bao nhiêu”, “mấy”: Hỏi về số lượng
 - c. Đại từ “sao”, “thế nào”: Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc
- ⇒ Ghi nhớ 3 (SGK/56)

III. LUYỆN TẬP Làm bài tập 1,2,3,4/SGK/56

LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Củng cố những kiến thức có liên quan đến việc tạo lập văn bản, làm quen với các bước của quá trình tạo lập văn bản. Biết tạo lập một văn bản tương đối đơn giản, gần gũi với đời sống và công việc học tập của học sinh.</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <p>Đề bài: “Thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.”</p> <p style="text-align: center;">Gợi ý</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bố cục của một bức thư như thế nào?2. Em viết bức thư này cho ai? (một người bất kỳ hay phải có tên cụ thể, người lớn hay trẻ em, bạn Việt Nam hay bạn nước ngoài?)3. Em sẽ viết gì trong phần chính của bức thư? Nếu định giới thiệu cảnh đẹp của đất nước Việt Nam thì nên chọn những cảnh nào cho tiêu biểu?4. Em sẽ kết thúc bức thư như thế nào? (gửi lời chào, lời chúc và lời hứa hẹn sẽ luôn trao đổi thư từ với bạn. Hay em tìm cách gợi ra một lí do nào khác để bạn nhớ đến đất nước mình...) <p>- Từ những gợi ý trên và kết hợp đọc bài tham khảo SGK/60, em hãy lập dàn ý trước cho bức thư của mình</p>

Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bức thư từ dàn ý đã lập - Em hãy cho biết, khi tạo lập văn bản cần chú ý các bước nào? Có thể bỏ qua bước nào không? Vì sao?
---	---

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục 1:	

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu được nhu cầu biểu cảm và đặc điểm chung của văn biểu cảm</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none">▪ Tìm hiểu về nhu cầu biểu cảm<ul style="list-style-type: none">- Nhu: cần phải có- Cầu: mong muốn- Biểu: thể hiện ra bên ngoài- Cảm: tình cảm, cảm xúc <p>⇒ Là mong muốn được bày tỏ những tình cảm, cảm xúc của mình</p> <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc những câu ca dao SGK/ 71 và trả lời các câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none">+ Mỗi câu ca dao trên tỏ lộ tình cảm, cảm xúc gì?+ Qua tìm hiểu các tình huống và 2 bài ca dao trên, em hiểu khi nào người ta có nhu cầu biểu cảm? Người ta bộc lộ tình cảm để làm gì?+ Ta có thể biểu cảm bằng những phương tiện gì? <ul style="list-style-type: none">▪ Tìm hiểu về đặc điểm chung của văn biểu cảm<ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc đoạn văn SGK/72 và trả lời các câu hỏi: Đoạn 1: “Thảo thương nhớ... chép bài cho mình?”

	<p>Đoạn 2: “Trên đài.... Và chiến đấu.”</p> <p>+ Hai đoạn văn trên biểu đạt nội dung gì? Biểu đạt bằng cách nào? (trực tiếp hay gián tiếp)</p> <p>+ Nội dung của hai đoạn văn trên có điểm gì khác so với nội dung của văn bản tự sự và miêu tả?</p> <p>+ Hãy chỉ ra phương thức biểu đạt cảm xúc của hai đoạn văn trên?</p> <p>+ Có thể biểu cảm bằng mấy cách?</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>Làm bài tập 1,2 SGK/73-74</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục 1:	